

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE**1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: CÔNG TY CỔ PHẦN J-PAN VIỆT NHẬT
 1.2. Địa chỉ: Lô B1, KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP.Nam Định
 1.3. Loại phương tiện: xe mô tô 2 bánh/xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác: Xe gắn máy hai bánh
 1.4. Nhãn hiệu: J-PAN
 1.5. Tên thương mại: \
 1.6. Mã kiểu loại (số loại): RS J-PAN
 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 0185/VAQ06-01/21-01
 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4770/NETC-M/21/C ngày: 14 tháng 06 năm 2021

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 90kg
 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 220 kg
 2.3. Động cơ
 2.3.1. Kiểu động cơ: VHL139FMBJP-A Loại động cơ: Xăng, 04 kỳ, 01 xy lanh, làm mát bằng không khí
 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 49,6 cm³
 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 2,2/7500 kW/rpm
 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: chế hòa khí/phun nhiên liệu/khác:.....⁽¹⁾
 2.5. Hộp số
 2.5.1. Điều khiển: cơ khí/tự động⁽¹⁾
 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 4
 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,182/1,938/1,350/1,043
 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,545
 2.7. Lốp
 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1:70/90-17 áp suất lốp: 225kPa
 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2:80/90-17 áp suất lốp:225 kPa
 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:46km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.....⁽¹⁾
 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai:1,6 lít/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước, nội dung, màu sắc
của nhãn năng lượng theo quy
định của Bộ Công Thương

5. Ghi chú (nếu có):.....

Nam Định, ngày 08 tháng 05 năm 2023

Cơ sở sản xuất/nhập khẩu

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN LINH